

Bản án số: 44/2021/HS-ST  
Ngày 17-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Tuấn Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Lãng Đức Quang

Bà: Nguyễn Thị Lam

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Giàng Xín D, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1980 tại huyện P, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 073104553 cấp ngày 07/01/2017, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; con ông Giàng Thìn S, sinh năm 1957 và bà Sùng Thị P, sinh năm 1957; có vợ là Thào Thị X, sinh năm 1984; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/3/2021, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1984 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 073233622, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; con ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1949 và bà Lương Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Hoàng Thị S, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn nhất sinh năm

2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/3/2021, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

3. La Văn D1, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1988 tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ bán chuyên trách; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 073218962 cấp ngày 11/6/2014, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; con ông La Hồng Đ, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Ông Hoàng Hải T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1975; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1990; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1977; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1996; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1991; vắng mặt.

+ Ông Bàn Văn G, sinh năm 1982; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Anh Lèng Văn P1, sinh năm 1998; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1971; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn D2, sinh năm 1987; vắng mặt.

+ Ông La Văn H1, sinh năm 1987; có mặt.

+ Ông Đỗ Minh T2, sinh năm 1989; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, khoảng đầu tháng 11/2019, Giàng Xín D đến gặp Nguyễn Văn Q trao đổi với Q về việc gia đình D sống gần khu

rừng núi Tam Tinh, thuộc thôn L, xã T, huyện Q hơn 20 năm nhưng không thấy có ai đến quản lý, chăm sóc nên rừ Q khai thác gỗ tại khu vực rừng đó, sau khi khai thác xong, có mặt bằng cả hai sẽ trồng cây keo và cây bồ đề. Thấy D nói vậy, Q nhất trí và đi đến nhà D rồi cả hai cùng đến xem khu vực khai thác gỗ như D đã nói, lúc này cả hai bàn bạc, thống nhất với nhau, Q có trách nhiệm mở đường đi lên khu vực khai thác gỗ để cho xe ô tô vào chở gỗ và tìm người khai thác, đồng thời Q sẽ được hưởng 2/3 số tiền bán gỗ, còn D có trách nhiệm trông coi, quản lý số gỗ khai thác và bố trí chỗ ăn, ở cho những người khai thác gỗ và được hưởng 1/3 số tiền từ việc bán gỗ. Sau khi thống nhất với nhau, đến khoảng tháng 12/2019, Q thuê một người lái máy cuốc tại khu vực đường vào thôn L, xã T, huyện Q để mở đường lên đỉnh núi Tam Tinh (*Q không biết tên tuổi, địa chỉ người này*), đoạn đường mở bắt đầu từ đỉnh đồi cây keo của Giàng Xín D lên đến đỉnh núi, Q khoán tiền công mở đường cho người lái máy cuốc là 12.500.000 đồng. Đến đầu tháng 4/2020, do đường đã mở trên bị sạt lở và xói mòn nên Q tiếp tục liên hệ với Đỗ Minh T để sửa đường, lúc này T bảo Q liên hệ với La Văn H1 là người lái máy cuốc thuê cho Đỗ Minh T để sửa đoạn đường trên với giá 3.000.000 đồng.

Sau khi mở đường và sửa đường xong, đầu tháng 5/2020, Q liên hệ với Nguyễn Văn H đặt vấn đề thuê H khai thác gỗ tại khu vực núi Tam Tinh, thuộc thôn L, xã T, huyện Q và dẫn H đến nhà Giàng Xín D để cùng lên khu vực rừng Tam Tinh để xem vị trí khai thác gỗ. Tại đây, Q và D chỉ cho H vị trí khai thác gỗ. Sau khi xem xong, H đồng ý khai thác gỗ cho Q với giá 350.000 đồng/m<sup>3</sup> gỗ. Sau đó H về nhà và rủ Hoàng Văn P, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn C, Hoàng Văn B, Bàn Văn G đi khai thác gỗ với mình với mức tiền công là 350.000 đồng/m<sup>3</sup> gỗ và được mọi người đồng ý. Đến khoảng đầu tháng 8/2020, H cùng 06 người trên đi vào rừng núi Tam Tinh để bắt đầu khai thác gỗ, tại đây, nhóm của H được Giàng Xín D bố trí chỗ ăn ở, sinh hoạt trong thời gian khai thác gỗ tại ngôi nhà sàn ba gian ngay chân núi Tam Tinh, cách nhà D ở khoảng 150m. Quá trình khai thác, nhóm của H thay phiên nhau sử dụng 02 cưa xăng do H và P mang theo để cắt đổ các cây gỗ xuống và cắt thành từng khúc có chiều dài khoảng 2m, sau đó đưa xuống khu vực được Q thuê người mở đường trước đó, tổng khối lượng gỗ mà nhóm của H đã khai thác được khoảng 38m<sup>3</sup> gỗ.

Sau khi nhóm của H khai thác được khối lượng gỗ trên, Nguyễn Văn Q mượn xe ô tô BKS 23C-056.29, loại xe Hoa Mai, màu sơn xanh của ông Nguyễn Thành Đ là chú họ của Q để vận chuyển 07 chuyến gỗ ra ngoài khu vực đường tỉnh lộ 183 và tập kết tại bãi đất trống cách xưởng bóc gỗ của Q khoảng 200m, thuộc thôn T, xã T, huyện Q. Do đường đi lại dốc và hiểm trở, nên Q chỉ vận chuyển được 14m<sup>3</sup>, mỗi xe khoảng 02m<sup>3</sup> ra ngoài, trong đó Q vận chuyển 05 chuyến, còn La Văn D1 vận chuyển giúp Q 02 chuyến. Quá trình bóc gỗ lên xe, nhóm khai thác của H trực tiếp bóc 04 chuyến đầu (*trong đó có 02 chuyến La Văn D1 vận chuyển*), 03 chuyến còn lại, do không có người bóc gỗ nên Q đã thuê 04 người gồm Hoàng Văn B, Lèng Văn P1, Hoàng Văn X, Hoàng Văn D2 bóc gỗ

lên xe với giá 500.000 đồng/01 xe. Số gỗ đã vận chuyển ra ngoài, Q bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 40.000.000 đồng, số tiền này Q đã đưa cho H 19.800.000 đồng gồm các khoản tiền công khai thác gỗ, tiền ăn, sinh hoạt cho nhóm khai thác gỗ của H; đưa cho D 10.000.000 đồng, đưa cho nhóm bóc gỗ của B 1.500.000 đồng tiền công bóc 03 chuyến gỗ, số tiền còn lại, Q bù vào số tiền đã chi cho việc mở đường và sửa đường trước đó. Số lượng gỗ còn lại tại khu vực khai thác chưa kịp vận chuyển ra ngoài đã bị cơ quan chức năng phát hiện và thu giữ.

Ngay sau khi tiếp nhận thông tin vụ việc, Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang đã đến hiện trường để xác minh, thu giữ 821 khúc gỗ tròn, loại gỗ thông thường với tổng khối lượng là 37,737m<sup>3</sup> kèm theo bảng kê, quan sát xác định số gỗ trên vết cắt còn mới, thời gian cắt vào khoảng tháng 8/2020. Qua khám nghiệm hiện trường, Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang sử dụng máy định vị GPS map78 xác định khu vực rừng bị khai thác thuộc các Lô 17, 23, 24, 27, 29, khoảnh 4 Tiểu khu 350B (theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng kèm theo Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025), trong đó có 503 khúc gỗ tròn, loại gỗ thông thường có khối lượng 21,549m<sup>3</sup> gỗ thu được tại các Lô 23, 24, 27, 29 khoảnh 4, tiểu khu 350B; còn 318 khúc gỗ tròn, loại gỗ thông thường có khối lượng 16,188m<sup>3</sup> thu được tại Lô 17 khoảnh 4 tiểu khu 350B.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ việc, ngày 25/11/2020, Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang có văn bản số 02 gửi Phòng Nông nghiệp và PTNN huyện Bắc Quang xác định rừng, phân loại rừng, xác định diện tích rừng bị khai thác thuộc Lô 17 gồm 13 điểm tọa độ có nằm trong dự án 327 trước đây không và chức năng, trạng thái rừng đối với 13 điểm tọa độ khai thác thuộc Lô 17.

Ngày 27/11/2020, Phòng Nông nghiệp và PTNN huyện Bắc Quang ban hành công văn phúc đáp số 384, phúc đáp theo đề nghị của Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang, xác định: "toàn bộ 13 điểm tọa độ nằm trong Lô 17 khoảnh 4, tiểu khu 350B được nêu tại văn bản số 02/ĐN-KL của Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang hiện trạng là rừng trồng gỗ núi đất (ký hiệu 17-RTG/17,23) theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng kèm theo Quyết định 1619/QĐ-UBND ngày 30/07/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025. Do công tác luân chuyển cán bộ, thay đổi cơ quan quản lý dự án do đó Phòng chưa tìm thấy hồ sơ thuộc Dự án 327 liên quan đến công tác trồng rừng tại thôn Khuổi Le, xã Đông Thành, huyện Bắc Quang".

Căn cứ vào công văn của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Bắc Quang, ngày 28/12/2020, Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 25 và văn bản đề nghị số 25 đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang ra quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền đối với

21,549m<sup>3</sup> gỗ thu được tại các Lô 23, 24, 27, 29 khoảnh 4, tiểu khu 350B. Cùng ngày, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã ban hành Quyết định số 01 chuyển hồ sơ vụ án hình sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang để điều tra theo thẩm quyền đối với vụ việc trên.

Ngày 19/03/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 42, trưng cầu Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam giám định tổng số 503 khúc gỗ tròn thu được tại hiện trường là loại gỗ gì, thuộc nhóm gỗ nào?

Ngày 24/03/2021, Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam ban hành Kết luận giám định số 158, kết luận:

*Căn cứ vào cấu tạo thô đại của 503 khúc gỗ tròn của lô gỗ giám định và cấu tạo hiển vi của 09 mẫu gỗ đại diện cho từng chủng loại gỗ giám định đã lấy tại hiện trường để phân tích trong phòng thí nghiệm, kết luận: 09 chủng loại gỗ khác nhau, số lượng, khối lượng, tên và nhóm gỗ của từng chủng loại cụ thể như sau:*

- Chủng loại gỗ thứ nhất gồm 141 khúc gỗ có khối lượng 7,120m<sup>3</sup>, ký hiệu mẫu 73, có tên Việt Nam là Chẹo tía, tên khoa học là *Engelhardtia roxburghiana* Wall, nhóm gỗ VI.

- Chủng loại gỗ thứ hai gồm 115 khúc gỗ có khối lượng 5,662m<sup>3</sup>, ký hiệu 77, có tên Việt Nam là Sữa, tên khoa học là *Alstonia scholaris* (L.) R. Br., nhóm gỗ VII.

- Chủng loại gỗ thứ ba gồm 3 khúc gỗ có khối lượng 0,124m<sup>3</sup>, ký hiệu 146, có tên Việt Nam là Trín, tên khoa học là *Schima wallichii* (DC.) Korth., nhóm gỗ VI.

- Chủng loại gỗ thứ tư gồm 5 khúc gỗ có khối lượng 0,207m<sup>3</sup>, ký hiệu 156, có tên Việt Nam là Nhội, tên khoa học là *Bischofia javanica* Blume, nhóm gỗ VI.

- Chủng loại gỗ thứ năm gồm 17 khúc gỗ có khối lượng 0,657m<sup>3</sup>, ký hiệu 170, có tên Việt Nam là Dẻ giáp, tên khoa học là *Castanopsis armata* (Roxb.) Spach, nhóm gỗ ~V.

- Chủng loại gỗ thứ sáu gồm 4 khúc gỗ có khối lượng 0,205m<sup>3</sup>, ký hiệu 260 có tên Việt Nam là Xoan nhừ, tên khoa học là *Choerospondias axillaris*, nhóm gỗ VI.

- Chủng loại gỗ thứ bảy gồm 193 khúc gỗ có khối lượng 8,788m<sup>3</sup>, ký hiệu 299, có tên Việt Nam là Dẻ hộp, tên khoa học là *Quercus poilanei* Hickel & A.Camus, nhóm gỗ VII.

- Chủng loại gỗ thứ tám gồm 5 khúc gỗ có khối lượng 0,182m<sup>3</sup>, có ký hiệu 320, có tên Việt Nam là Lòng mức lông, tên khoa học là *Wrightina pubescens* R. Br., nhóm gỗ ~VII.

- *Chủng loại gỗ thứ chín gồm 20 khúc gỗ có khối lượng 1,006m<sup>3</sup>, có ký hiệu 342, có tên Việt Nam là Trám chim, tên khoa học là *Canarium parvum leenh*, nhóm gỗ ~VII.*

*(Ghi chú: ký hiệu mẫu ghi trên khúc gỗ khi giám định;*

*~: ký hiệu tương đương một số loại gỗ nhóm VI trong "bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước" ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ lâm nghiệp - nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (do loại gỗ này chưa được xếp nhóm).*

Do có sự chênh lệch về khối lượng 503 (năm trăm linh ba) khúc gỗ theo Bảng kê lâm sản kèm theo biên bản kiểm tra hiện trường do Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang lập ngày 16/10/2020 với Bảng kê lâm sản kèm theo kết quả giám định số 158 ngày 23/04/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, ngày 29/04/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành lập biên bản làm việc đối với Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang để làm rõ sự chênh lệch đó. Kết quả: "*Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 27/2018/TT-BNNVPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, đối với gỗ tròn sai số cho từng lóng gỗ cho một lần đo là 10%. Do đó việc chênh lệch về khối lượng gỗ đo của Hạt kiểm lâm và Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam không có sự thay đổi về số lượng, kích thước, nằm trong sai số cho phép, không có sự trao đổi*".

Ngày 28/04/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 27, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang tiến hành định giá đối với 23,951m<sup>3</sup> gỗ thu được trong vụ án.

Ngày 25/06/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Bắc Quang ban hành Kết luận định giá tài sản số 35, kết luận: "*23,951m<sup>3</sup> gỗ (gỗ tròn nhóm VI-VII dùng làm nguyên liệu chế biến ván bóc) tại thời điểm định giá vào tháng 6/2021 có giá trị là 26.346.100 đồng.*

Như vậy, căn cứ vào lời khai và các tài liệu đã thu thập được, tổng khối lượng gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q thuê người khai thác trái phép và cùng La Văn D1 vận chuyển gỗ khai thác được ra ngoài tại khu vực rừng núi Tam Tinh thuộc thôn Khuổi Le, xã Đông Thành, huyện Bắc Quang là 37,951m<sup>3</sup> có tổng giá trị là 66.346.100 đồng. Trong đó có 14m<sup>3</sup> đã vận chuyển và đem đi tiêu thụ được 40.000.000 đồng, còn lại 23,951m<sup>3</sup> gỗ thu tại hiện trường có giá trị 26.346.100 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Giàng Xín D và Nguyễn Văn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng đối với bị cáo La Văn D1, mặc dù không được D và Q trao đổi, bàn bạc gì, tuy nhiên do quen biết D và có mối quan hệ anh em với Q, nên D1 đã biết việc khai thác rừng trái phép này, ngay từ đầu

tháng 8/2020, khi nhóm khai thác gỗ của Hiếu bắt đầu đến khai thác gỗ tại rừng núi Tam Tinh, D1 đã có mặt tại khu vực khai thác để quan sát và chứng kiến nhóm đối tượng khai thác gỗ. Trong thời gian khai thác gỗ, để tránh việc khai thác bị gián đoạn, D1 còn giúp Q mang thức ăn đến cho nhóm khai thác của H và giúp Q vận chuyển 02 chuyến gỗ xuống bãi tập kết để mang đi tiêu thụ. Đến khoảng giữa tháng 8/2020, sau khi Q thu được tiền bán gỗ, D1 đã đi cùng Q đến nhà H tại thôn C, xã K, huyện Q để thanh toán tiền công khai thác gỗ tại khu vực rừng núi Tam Tinh cho nhóm của H. Cho đến cuối tháng 8/2020, sau khi bị cơ quan chức năng phát hiện, việc khai thác rừng mới dừng lại. Bản thân D1 là cán bộ bán chuyên trách, phụ trách thú y, khuyến nông, khuyến lâm của xã, tuy không được phân công nhiệm vụ quản lý rừng, nhưng D1 biết được khu vực rừng núi Tam Tinh là rừng của Nhà nước không được phép khai thác, D1 biết việc Q, D khai thác rừng trái phép nhưng không báo với chính quyền địa phương mà còn giúp sức cho D và Q thực hiện hành vi phạm tội. Do đó La Văn D1 cũng đồng phạm với các bị cáo D, Q về hành vi khai thác rừng trái phép tại khu vực rừng núi Tam Tinh, thuộc thôn L, xã T, huyện Q.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 40/CT-VKSBQ ngày 27/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 theo bản cáo trạng. Về hình phạt đề nghị Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, Q; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, Điều 65, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Xín D 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 11/3/2021); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 11/3/2021); xử phạt bị cáo La Văn D1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo La Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Về hình phạt bổ sung và án phí: Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của các bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, các bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu như: Biên bản khám nghiệm hiện trường kèm theo bảng kê lâm sản của Hạt kiểm lâm huyện Bắc Quang, biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường kèm theo bảng kê gốc cây bị chặt hạ, sơ đồ hiện trường, tài liệu thu giữ vật chứng, tài liệu giám định đối với số gỗ thu được, biên bản định giá tài sản, kết luận định giá tài sản, tài liệu nhận dạng các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có



trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 8/2020, các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q đã có hành vi khai thác 38m<sup>3</sup> (*ba mươi tám mét khối*) gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khu vực rừng núi Tam Tinh thuộc thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn Q đã cùng bị cáo La Văn D1 vận chuyển 14m<sup>3</sup> (*mười bốn mét khối*) gỗ đã khai thác được tại bãi đất trống gần đường tỉnh lộ 183 để đem đi tiêu thụ, thu được số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*), số gỗ còn lại chưa kịp mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện. Hành vi của các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự.

[3] Điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a).....;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 đến 07 năm:

a) .....

b). Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 20 mét khối (m<sup>3</sup>) đến dưới 40 mét khối (m<sup>3</sup>) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối 7 (m<sup>3</sup>) đến dưới 30 mét khối (m<sup>3</sup>) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm IIA; ...".

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý tài nguyên rừng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên không có thủ tục, không có giấy phép kinh doanh là trái phép, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý khai thác gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên không đúng với quy định của Nhà nước, tổng giá trị tài sản gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên mà bị cáo khai thác là 38m<sup>3</sup>. Do các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nên cần xử lý các bị cáo bằng chế tài Luật hình sự với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất,

nên thuộc vụ án đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò các bị cáo như sau:

[7] Trong vụ án này bị cáo Giàng Xín D đến gặp Nguyễn Văn Q và rủ Q khai thác gỗ, La Văn D1 vận chuyển giúp Q 02 chuyên gỗ khai thác được, như vậy bị cáo Giàng Xín D đóng vai trò là người khởi xướng, Nguyễn Văn Q là người thực hành, La Văn D1 là người giúp sức. Do vậy vai trò của bị cáo D là cao nhất trong vụ án.

[8] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Q và bị cáo D1 có người thân là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[9] Bị cáo Giàng Xín D giữ vai trò khởi xướng nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao nhất, bị cáo Q là người thực hiện hành vi khai thác gỗ nên có mức hình phạt cao hơn bị cáo D1. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo D, Q ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo La Văn D1 tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, vì vậy, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo D1 trong vụ án là phù hợp, đồng thời trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo D1 ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng các quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo, thấy rằng các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, các bị cáo đều nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 điều 232 Bộ luật Hình sự là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[12] Đối với 503 khúc gỗ tròn thuộc loài gỗ thông thường, có tổng khối lượng 23,951m<sup>3</sup> (*hai mươi ba phẩy chín trăm năm mươi một mét khối*) thu giữ tại các Lô 23 và 29 khoảnh 4, tiểu khu 350B (*hiện nay đang gửi tại Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Quang*). Xét thấy đây là vật do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 02 cửa xăng màu cam, có tay cầm màu ghi, trên thân cửa có dòng chữ Husqvarna 365, có tổng chiều dài 91cm, phần lam và xích cửa dài 51cm, cũ đã qua sử dụng. Xét thấy đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

[13] Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 30.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội và bị cáo Giàng Xín D số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội, để nộp ngân sách Nhà nước;

[14] Đối với 312 khúc gỗ tròn thuộc loại gỗ thông trường, có tổng khối lượng 16,188m<sup>3</sup> (*mười sáu phẩy một trăm tám mươi tám mét khối*) thuộc Lô 17, khoảnh 4, tiểu khu 350B (*hiện nay đang gửi tại Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Quang*). Xét thấy số gỗ này là do ông Hoàng Hải T trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của ông T, nên cần trả lại cho ông T;

[15] Đối với 01 điện thoại di động, loại bàn phím số, mặt trước, mặt sau màu xanh có dòng chữ NOKIA, trên điện thoại có lắp 01 thẻ sim mặt sau có chữ 4G VIETTEL số 8984048000018738685, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q;

[16] Đối với xe ô tô BKS BKS 23C-056.29, quá trình điều tra xác minh đó là xe của ông Nguyễn Thành Đ. Việc Q sử dụng xe ô tô của ông Đ để vận chuyển gỗ ông Đ không biết và cũng không được Q trao đổi gì, ngoài ra chiếc xe trên còn là phương tiện kiếm sống của gia đình, ngày 28/05/2021 ông Đ đã có đơn xin lại tài sản. Xét thấy đơn xin lại tài sản của ông Đ là có căn cứ, ngày 04/06/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã có quyết định xử lý vật chứng số 31 trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với các nhóm đối tượng khai thác gỗ gồm Nguyễn Văn H, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn C, Hoàng Văn B, Bàn Văn G, quá trình khai thác gỗ, nhóm người trên không được Q, D trao đổi gì, cũng không biết khu vực khai thác là rừng tự nhiên của Nhà nước không được phép khai thác nên không có căn cứ để xử lý nhóm đối tượng trên về hành vi khai thác rừng trái phép.

[18] Đối với nhóm bốc gỗ do Q thuê gồm Hoàng Văn B, Lèng Văn P2, Hoàng Văn X, Hoàng Văn D2, quá trình điều tra, họ chỉ biết được Q thuê để bốc gỗ lên xe, ngoài ra không được Q trao đổi vấn đề gì liên quan đến việc khai thác nên không có căn cứ để xử lý đối với những người trên.

[19] Đối với người mở đường được Q thuê vào tháng 12/2019, do Q không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, quá trình điều tra cũng không xác minh được nên không có căn cứ để điều tra tiếp.

[20] Đối với Đỗ Minh T là chủ máy cuốc sửa đường và La Văn H1 - người lái máy cuốc thuê sửa đường cho Q vào tháng 4/2020, quá trình sửa đường những người trên không được Q trao đổi nội dung gì liên quan đến việc khai thác gỗ tại khu vực rừng núi Tam Tinh, T và H1 cũng không biết mục đích Q thuê để sửa đường làm gì nên không có căn cứ để xử lý đối với những người trên.

[21] Đối với trách nhiệm của UBND xã Đông Thành và cán bộ Kiểm lâm huyện Bắc Quang được phân công phụ trách xã Đông Thành, huyện Bắc Quang, quá trình điều tra, do tài sản bị thiệt hại dưới 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) nên không có đủ căn cứ để xử lý về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự nên cần tách ra và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi của những người có trách nhiệm liên quan theo quy định của pháp luật.

[22] Đối với 16,188m<sup>3</sup> gỗ thu được tại Lô 17 khoảnh 4 Tiểu khu 350B xác định là rừng trồng mà các bị cáo D, Q thuê người khai thác, do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tách ra để xử lý riêng theo quy định của pháp luật.

[23] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 232, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 232, Điều 17, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo La Văn D1;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q và La Văn D1 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Giàng Xín D 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 11/3/2021).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 11/3/2021).

+ Xử phạt bị cáo La Văn D1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo La Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự;

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3.Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 503 khúc gỗ tròn thuộc loài gỗ thông thường, có tổng khối lượng 23,951m<sup>3</sup> (*hai mươi ba phẩy chín trăm năm mươi một mét khối*) thu giữ tại các Lô 23 và 29 khoảnh 4, tiểu khu 350B (*hiện nay đang gửi tại Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Quang*); 02 cửa xăng màu cam, có tay cầm màu ghi, trên thân cửa có dòng chữ Husqvarna 365, có tổng chiều dài 91cm, phần lam và xích cửa dài 51cm, cũ đã qua sử dụng;

Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 30.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội và bị cáo Giàng Xín D số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội, để nộp ngân sách Nhà nước;

Trả lại cho ông Hoàng Hải T 312 khúc gỗ tròn thuộc loại gỗ thông trường, có tổng khối lượng 16,188m<sup>3</sup> (*mười sáu phẩy một trăm tám mươi tám mét khối*) thuộc Lô 17, khoảnh 4, tiểu khu 350B (*hiện nay đang gửi tại Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Quang*); trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động, loại bàn phím số, mặt trước, mặt sau màu xanh có dòng chữ NOKIA, trên điện thoại có lắp 01 thẻ sim mặt sau có chữ 4G VIETTEL số 8984048000018738685, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 16/8/2021; biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang, Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 16/8/2021 ).*

4.Về án phí: Các bị cáo Giàng Xín D, Nguyễn Văn Q, La Văn D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- TTr Huyện ủy huyện BQ;
- Hạt Kiểm lâm huyện BQ;
- UBND xã Đông Thành, huyện BQ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Tuấn Vĩnh**